TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DSST
Ngày 20/4/2020
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆNCƯM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trọng Phụng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Thanh Thẩm
2. Bà H Lum Niê

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh ĐắkLắk tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20/4/2020 tại Tòa án nhân dân huyện CưM'gar xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 351/2019/TLST – DS ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST- DS ngày 30 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L, vắng mặt
Địa chỉ: khu tái định cư L, phường B, quận A, TP. Hồ Chí Minh
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị N (theo văn bản ủy quyền ngày 30/5/2019), có mặt
Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk
Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hoài T, có mặt
Địa chỉ: đường N, thị trấn Q, huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk, có mặt
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Ông Lê Quốc K
Địa chỉ: tổ dân phố T, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt
2. Ông Huỳnh Văn Đ
Địa chỉ: Tổ dân phố Y, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có đơn từ chối tham gia tố tụng và xét xử vắng mặt
3. Bà Đào Thị Mỹ V
Địa chỉ: đường T, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có đơn từ chối tham gia tố tụng và xét xử vắng mặt
Người làm chứng:

1. Anh Huỳnh Hòa B

Địa chỉ: Khu A, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có đơn từ chối tham gia tố tụng và xét xử vắng mặt

2. Chị Đỗ Thị Ngọc A

Địa chỉ: xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có đơn từ chối tham gia tố tụng và xét xử vắng mặt

3. Bà Huỳnh Thị A

Địa chỉ: đường N, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có đơn từ chối tham gia tố tụng và xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2009 vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L có ý định chuyển từ TP. Hồ Chí Minh lên thị trấn Q, huyện C để lập nghiệp nên có nhu cầu nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để ổn định cuộc sống.

Ngày 17/9/2009 được bà Huỳnh Thị A giới thiệu, vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn C đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng bà Trần Thị T2 thửa đất 197, tờ bản đồ số 41, diện tích 42.5 m^2 tọa lạc tại khu chợ lồng A, khối 2, thị trấn Q, huyện C (gọi tắt là thửa 197). Tuy nhiên, do bà L không mang đủ giấy tờ cần thiết để làm thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên đã nhờ bà Nguyễn Thị Hoài T (là em ruột của bà L) là người đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và được vợ chồng bà Trần Thị T2, ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Hoài T đồng ý. Vợ chồng bà Trần Thị T2 và vợ chồng bà L thỏa thuận giá trị chuyển nhượng của thửa đất là 285.000.000 đồng, bà L là người giao tiền, con gái bà Trần Thị T2 là chị Đỗ Thị Ngọc A là người kiểm đếm tiền. Sauk hi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng vợ chồng bà L đã nhận đất và đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) mang tên bà Nguyễn Thị Hoài T. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng tài sản trên đất chỉ có 01 nhà tạm khung gỗ, mượn tường của hàng xóm hai bên. Sau khi nhận đất vợ chồng bà L đã cho thuê kinh doanh. Đến năm 2015 thì cho bà Đào Thị Mỹ V thuê lô đất trên để buôn bán giày dép với giá 24.000.000 đồng/năm, bà L là người nhận tiền thuê đất chứ không phải bà T, ông K. Nay vợ chồng bà L yêu cầu bà T làm thủ tục sang lại tên trong giấy chứng nhận QSDĐ bà T đồng ý nhưng ông K chồng của bà T không đồng ý và cho rằng đây là tài sản chung của ông K và bà T trong thời kỳ hôn nhân (ông K bà T hiện đã ly hôn) nên vợ chồng bà L, ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hoài T, ông Nguyễn Quốc Khánh trả lại quyền sử dụng đất thửa đất số 197 cho vợ chồng ông bà.

Quá trình tiến hành tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị Hoài T trình bày:

Bà T là em gái của bà L. Năm 2009 ông C, bà L có nhờ bà hỏi giúp ai có nhu cầu chuyển nhượng đất thì chỉ giúp, do biết bà Trần Thị T2 có thửa đất trong khu chợ lồng A, thị trấn Q cần chuyển nhượng nên bà T và bà Huỳnh Thị A (hàng xóm

của bà T) có dẫn vợ chồng bà L đến nhà bà Trần Thị T2 thỏa thuận nhận chuyển nhượng QSDĐ thì được vợ chồng bà Trần Thị T2 đồng ý chuyển nhượng với giá 285.000.000 đồng. Do bà L không mang đầy đủ giấy tờ để làm thủ tục nhận chuyển nhượng nên vợ chồng bà L có nhờ bà T đứng tên giùm, việc thỏa thuận, giao nhận tiền là do vợ chồng bà L và vợ chồng Trần Thị T2 thực hiện. Thủ tục chuyển nhượng đã hoàn tất, vợ chồng bà L đã nhận đất và cho thuê từ 2009 cho đến nay. Năm 2019 ông C bà L yêu cầu bà T sang lại tên trên GCNQSD đất cho ông C, bà L thì bà T đồng ý nhưng ông Lê Quốc K không đồng ý và cho rằng lô đất trên là tài sản chung giữa bà T và ông K trong thời kỳ hôn nhân. Hiện nay bà T và ông K đã ly hôn vào năm 2019, vì vậy ông K cản trở không làm thủ tục để sang tên GCNQSD đất cho ông C, bà L. Nay nguyên đơn khởi kiện, bà T đồng ý trả quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho nguyên đơn. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Qúa trình tiến hành tố tụng ông Lê Quốc K là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông K và bà Nguyễn Thị Hoài T kết hôn ngày 21/2/2002 và đã ly hôn vào năm 2019. Nguồn gốc thửa đất số 197 là tài sản chung của ông K và bà T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Trong thời kỳ hôn nhân, bà T là người quản lý kinh tế của gia đình nên việc nhận chuyển nhượng thửa đất số 197 ông K không biết. Đến năm 2017 ông K mới biết việc bà T có đứng tên quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên. Ông K có xác nhận Giấy yêu cầu đề ngày 07/6/2017 với nội dung xác nhận bà Nguyễn Thị Hoài T đứng tên hộ ông C, bà L để làm thủ tục chuyển đổi tên là do ông trực tiếp ký, viết tên "Lê Quốc K" ở góc trái "người xác nhận". Tuy nhiên, ông K ký văn bản trên là do bị lừa dối, bà T nói ông K ký thủ tục để vay Ngân hàng. Hiện nay thửa đất trên đang được cho thuê nhưng ông K không biết thời gian cho thuê, người thuê đất, việc giao nhận tiền. Nay ông K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý trả quyền sử dụng đất cho nguyên đơn vì thửa đất trên là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông K với bà T.

Qúa trình tiến hành tố tụng ông Huỳnh Văn Đ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Đ xác nhận năm 2009 vợ chồng ông Đ, bà Trần Thị T2 có chuyển nhượng thửa đất tại khu chợ lồng A, thị trấn Q cho vợ chồng ông C, bà L.

Qúa trình tiến hành tố tụng chị Đào Thị Mỹ V là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Năm 2015 do có nhu cầu thuê mặt bằng để buôn bán nên chị Vâng có thuê của ông C, bà L thửa đất 197, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại khu chợ lồng A, khối 2, thị trấn Q, huyện C với giá 24.000.000 đồng/năm, mục đích để bán giày dép, việc giao nhận tiền thuê đất được thực hiện vào tháng 5 (âm lịch hàng năm). Hai bên thỏa thuận bằng miệng, không lập hợp đồng thuê đất, không viết giấy nhận tiền. Tại thời điểm chị Vâng thuê đất đã có 01 nhà khung gỗ, mái lợp tôn, nền láng xi măng, hai bên tường mượn của hàng xóm hai bên, chị Vâng không sửa chữa, xây dựng thêm tài

sản gì trên đất nên không có ý kiến gì đối với tài sản trên đất, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Qúa trình tiến hành tố tụng chị Đỗ Thị Ngọc A là người làm chứng trình bày:

Chị A con gái bà Trần Thị T2 và ông Huỳnh Văn Đ (bà T đã chết vào 13/7/2014) và có quen biết bà Nguyễn Thị Hoài T, ông Lê Quốc K. Năm 2009 bố mẹ chị A có nhu cầu chuyển nhượng thửa đất 197 và có gặp bà L là người muốn nhận chuyển nhượng. Bà L là người trực tiếp đứng ra giao dịch nhận chuyển nhượng QSDĐ với bà Trần Thị T2. Hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng là 285.000.000 đồng, bà L là người trực tiếp giao tiền, chị A là người trực tiếp kiểm đếm tiền.

Qúa trình tiến hành tố tụng anh Huỳnh Hòa B là người làm chứng trình bày:

Anh B là con trai bà Trần Thị T2, ông Huỳnh Văn Đ và có quen biết bà Nguyễn Thị Hoài T, ông Lê Quốc K. Bà Nguyễn Thị L là người được bà Nguyễn Thị Hoài T và bà A giới thiệu đến nhà anh để hỏi nhận chuyển nhượng QSDĐ. Bà L là người trực tiếp đứng ra giao dịch nhận chuyển nhượng QSDĐ của bố mẹ anh. Anh B đồng ý với với nội dung như phần trình bày của chị Đỗ Thị Ngọc A. Tuy nhiên, lúc giao tiền giữa hai bên anh B không biết vì không có mặt của anh.

Qúa trình tiến hành tố tụng bà Huỳnh Thị A là người làm chứng trình bày:

Bà A là hàng xóm của bà Nguyễn Thị Hoài T, bà là người giới thiệu cho bà L đến nhà bà Trần Thị T2 để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, còn việc thỏa thuận, giao tiền cụ thể thì bà A không biết. Bà A có biết sự việc vì bà L không có hộ khẩu ở Q nên có nhờ em gái là Nguyễn Thị Hoài T đứng tên giùm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử;

Đối với Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Tuân thủ đúng với các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã thực hiện đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự;.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công nhận lô đất có diện tích 42.5 m^2 thuộc thửa đất 197, tờ bản đồ số 41, địa chỉ tại khu chợ lồng A, khối 2, thị trấn Q, huyện C là của ông Nguyễn Văn C và bà

Nguyễn Thị Len. Buộc bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Lê Quốc K phải giao lô đất trên cho ông C, bà L theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp quyền sử dụng đất, thửa đất tọa lạc tại thị trấn Q, huyện C. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng: Ông Huỳnh Văn Đ, bà Đào Thị Mỹ V, bà Đỗ Thị Ngọc A, anh Huỳnh Hòa B, bà Huỳnh Thị A có đơn từ chối tham gia tố tụng và xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Nguồn gốc thửa đất:

Qúa trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn cho rằng, vào năm 2009, vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L từ Thành phố Hồ Chí Minh lên thị trấn Q, huyện C lập nghiệp nên có nhu cầu nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Qua giới thiệu vợ chồng bà L đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Trần Thị T2 thửa đất có diện tích 42,5m2, thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ số 41, địa chỉ tại khu chợ lồng A, TDP 2, thị trấn Q, huyện Cư Mgar. Do ông bà không mang theo giấy tờ tùy thân nên ông bà đã nhờ bà Nguyễn Thị Hoài T (em gái của bà L) đứng tên bên nhận chuyển nhượng và đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay vợ chồng bà L yêu cầu bà T và ông K làm thủ tục sang lại tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông K không đồng ý.

Phía ông K cho rằng nguồn gốc thửa đất số 197 là tài sản chung của ông K, bà T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, ông K không biết người chuyển nhượng, giá chuyển nhượng, quá trình thỏa thuận, giao tiền, lập hợp đồng chuyển nhượng và không ký hợp đồng chuyển nhượng. Mặt khác, ông K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn gốc số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản chung của ông K, bà T. Đối với giấy yêu cầu đề ngày 07/6/2017 thể hiện nội dung vợ chồng ông C, bà L có nhờ bà Hoài Thu đứng tên nhận chuyển nhượng vào năm 2009, nay đề nghị vợ chồng bà T xác nhận để ông C, bà L làm thủ tục chuyển đổi tên được dễ dàng. Giấy có xác nhận của ông Lê Quốc K. Ông cho rằng chữ ký trong giấy yêu cầu là chữ ký của ông nhưng là do ông bị bà Nguyễn Thị Hoài T lừa dối ký. Tuy nhiên, ông K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông bị lừa dối và tại phiên tòa ông K cũng thừa nhận kể từ khi mua đất năm 2009 ông K cứ nghĩ là vợ chồng ông C, bà L đứng tên trong GCNQSD đất chứ không biết bà T đứng tên, đến năm 2017 ông mới biết là bà T đứng tên trong GCNQSD đất vì vậy ông cho rằng đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà T nên không đồng ý sang tên lại cho ông C, bà L là không có có căn cứ.

Qúa trình tố tụng bà Huỳnh Thị A xác nhận bà là người giới thiệu cho bà L đến nhà bà Trần Thị T2 mua đất. Ông Huỳnh Văn Đ xác nhận năm 2009 vợ chồng ông có chuyển nhượng thửa đất số 197 cho vợ chồng ông C, bà L. Anh Huỳnh Hòa B là con của ông Huỳnh Văn Đ và bà Trần Thị T2 xác nhận bà L là người trực tiếp đứng ra giao dịch nhận chuyển nhượng. Chị Đỗ Thị Ngọc A xác nhận bà L là người trực tiếp đứng ra giao dịch nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 197, chị A có chứng kiến toàn bộ quá trình chuyển nhượng, giao nhận tiền giữa các bên. Như vậy, phần trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng phù hợp với ý kiến của nguyên đơn về việc vợ chồng bà L nhờ em gái là Nguyễn Thị Hoài T đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng, giấy chứng nhận QSDĐ là có căn cứ.

[2.2] Về quá trình sử dụng đất:

Từ năm 2009 đến nay vợ chồng bà L đã cho thuê đất để kinh doanh. Từ năm 2015 đến nay bà Đào Thị Mỹ V thuê lô đất trên để buôn bán giày dép với giá 24.000.000 đồng/năm, việc giao tiền thuê giữa bà L, bà V được thực hiện vào tháng 5 (âm lịch) hàng năm. Bà V xác nhận bà là người thuê đất của vợ chồng ông C, bà L và thỏa thuận, giao dịch với bà L, không liên quan đến bà T, ông K. Như vậy, từ năm 2009 đến nay vợ chồng bà T, ông K không quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất. Ông K cũng thừa nhận việc cho thuê, giao nhận tiền với bên thuê đất từ trước đến nay ông K không biết nên ý kiến của ông K cho rằng quyền sử dụng đất là tài sản của chung của ông K, bà T là không có căn cứ.

Như vậy có đủ căn cứ xác định thửa đất số 197, tờ bản đồ số 41, tại thị trấn Q là của vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn C nhận chuyển nhượng từ vợ chồng bà Trần Thị T2, ông Huỳnh Văn Đ nhưng nhờ em gái là Nguyễn Thị Hoài T đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không phải là tài sản chung của ông K, bà T trong thời kỳ hôn nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Hoài T, ông Nguyễn Quốc Khánh trả lại quyền sử dụng đất thửa đất số 197 cho vợ chồng Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L.

[2.3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hoài T phải chịu án phí do yêu cầu của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L được chấp nhận.

Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[2.4] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí đo đạc, xem xét thẩm định và định giá tài sản là 3.000.000 đồng. (đã chi phí hết cho việc xem xét thẩm định và định giá tài sản). Tuy nhiên, phía nguyên đơn nhận nộp chi phí đo đạc, xem xét thẩm định và định giá tài sản thay cho bị đơn, xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận không đặt ra giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 500 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100; Điều 106; Điều 166 Điều 170 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công nhận lô đất có diện tích 42.5 m^2 thuộc thửa đất 197, tờ bản đồ số 41, địa chỉ tại khu chợ lồng A, khối 2, thị trấn Q, huyện C là của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị Hoài T, ông Nguyễn Quốc Khánh phải trả lại cho ông C, bà L quyền sử dụng đất, đối với thửa đất 197, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại khu chợ lồng A, khối 2, thị trấn Q, huyện C, diện tích 42.5 m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 226976 ngày 22/7/2009 do UBND huyện C cấp cho ông Huỳnh Văn Đ, bà Trần Thị T2 đăng ký biến động ngày 29/9/2009 chuyển nhượng QSDĐ cho bà Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1972, thường trú tại đường Nguyễn Du, thị trấn Q, huyện C và tài sản trên đất gồm 01 nhà khung gỗ, mái lợp tôn, nền láng xi măng, cửa sắt kéo, hai bên tường mượn, diện tích 42.5 m^2.

Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Hoài T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục sang tên quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên theo quy định của pháp luật.

Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hoài T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L số tiền 7.500.000 đồng mà ông C, bà L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2017/0014219 ngày 27/8/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar, tỉnh Đăk Lăk.

- Về chi phí định giá và thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L tự nguyện nhận chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Được khấu trừ vào số tiền 3.000.000 đồng đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện C (đã chi phí xong)

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Cư M'gar;*
- *Chi cục THADS huyện Cư M'gar;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Trọng Phụng